TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/DS-PT
Ngày: 29/3/2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Trung Trực**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

Ông **Lê Sơn Hà**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Trần Lương Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 30 tháng 1 và ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2017/TLPT-DS ngày 01/12/2017 về việc *"tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2018/QĐ - PT ngày 03 tháng 1 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14/2018/QĐ - PT ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vương Thị N, sinh năm 1947; địa chỉ: Số 14 ngõ 20/125/27 đường P, Tổ dân phố L1, phường M, quận B, H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Đỗ Anh T – Công ty Luật ASEM Việt Nam.

- Bị đơn:

1. Anh Vương Duy H, sinh năm 1987; trú tại: Số 16 ngõ 20/125/27 đường P, Tổ dân phố L1, phường M, quận B, H.

2. Anh Vương D L, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 3 đường P, Tổ dân phố L1, phường M, quận B, H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vương D H, sinh năm 1964 (bố anh H);

Địa chỉ: Tổ dân phố L1, phường M, quận B, H.

2. Ông Lê C, sinh năm 1940 (chồng bà N);

3. Anh Lê Anh Tuấn, sinh năm 1990 (con trai bà N);

4. Chị Đỗ Thị Hương, sinh năm 1994 (con dâu bà N);

Cùng trú tại: Số 14 ngõ 20/125/27 đường P, Tổ dân phố L1, phường M, quận B, H.

5. Cháu Vương T, sinh năm 2009 (con anh H);

6. Cháu Vương T T, sinh năm 2017 (con anh H);

7. Chị Gia L, sinh năm 1987 (vợ anh H);

Cùng địa chỉ: Số 16 ngõ 20/125/27 đường P, Tổ dân phố L1, phường M, quận B, H.

Đại diện theo pháp luật của cháu Vương T và Vương T T là anh Vương Duy H (bố đẻ).

Người kháng cáo: Anh Vương Duy H, anh Vương D L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vương Thị N trình bày:

Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 22 tại ngõ 20/125/27 đường M, Tổ dân phố L1, phường M, quận B, thành phố H. được Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U7620003 ngày 08/01/2001 cho hộ gia đình cụ Gia H (mẹ bà Vương Thị N). Ngày 05/8/2016, bà Vương Thị N được thừa kế thửa đất này.

Nhà bà Vương Thị N và nhà anh Vương Duy H, anh Vương D L là hàng xóm liền kề.

Anh Vương Duy H sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 22, anh Vương D L sử dụng thửa đất số 107, tờ bản đồ số 22. Hai thửa đất số 106 và 107 được tách ra từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 22 thuộc quyền sử dụng đất của ông Vương D H (ông H

là bố đẻ anh H, và là anh trai anh L). Hai thửa đất số 106 và số 107 có ngõ đi chung là thửa đất số 108, có diện tích là 38m^2. Các thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bà N thì một phần thửa số 108 là ngõ đi chung giữa bà và gia đình anh H, anh L. Trước đây gia đình bà sử dụng cổng cũ cách trên cổng cũ của nhà anh H, anh L khoảng 03 - 04 mét. Đến năm 1991, bà bịt cổng cũ đi để chuyển sang vị trí cổng như hiện nay cho hợp hướng. Năm 2016, bà thấy địa chính quận về đo đạc đoạn ngõ này nhưng ông H sang nói là đo đất để chia cho anh H, anh L và xin bà chữ ký xác nhận ranh giới đất nên bà cũng đồng ý. Sau đó, ông H đổ đất nâng nền ngõ thì bà xin được góp tiền nhưng ông H bảo đây là đất riêng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2001. Khi đề nghị UBND Phường M cho xem giấy tờ đất, bà thấy sổ mục kê và bản đồ không phù hợp với thực tế sử dụng đất của các gia đình từ trước đến nay, nên bà khởi kiện tranh chấp ngõ đi và mốc giới giữa gia đình bà với anh H, anh L.

Những người hiện đang sinh sống tại thửa đất số 53 gồm: bà N, ông Lê C (chồng bà N), anh Lê Anh Tuấn (con trai), chị Đỗ Thị Hương (con dâu).

Lời khai tại Tòa án, Bị đơn anh Vương Duy H và anh Vương D L trình bày:

Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 22 tại ngõ 20/125/27 đường M, Tổ dân phố Phúc Lý 1, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội là của các cụ để lại cho cụ Vương D Đ (là bố của ông Vương D H). Từ năm 1973, gia đình đã có lối đi ổn định không đi cùng cổng với gia đình bà Vương Thị N. Năm 1990, cụ Định để lại thửa đất số 54 cho ông Vương D H quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng, gia đình ông H đã nhiều lần cải tạo xây dựng lối đi mà không thấy gia đình bà N đóng góp hay có ý kiến gì. Đầu năm 2016, ông H đã tách thửa đất số 54 cho con trai là anh Vương Duy H và em trai là anh Vương D L. Quá trình tách thửa đất, Phòng tài nguyên và môi trường quận Bắc Từ Liêm đã tiến hành đo đạc lại diện tích thì thửa đất số 54 chỉ còn lại 276m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 302m^2, thiếu 26m^2 nên gia đình đề nghị các hộ liền kề ký xác nhận ranh giới đất theo đúng diện tích đất thực tế sử dụng. Hiện nay, thửa đất số 54 đã được tách ra thành hai thửa đất là thửa đất số 106 (đứng tên anh Vương Duy H) và thửa đất số 107 (đứng tên anh Vương D L) và thửa đất số 108 có diện tích 38m^2 là ngõ đi chung của hai thửa.

Năm 2010, ông H đã chuyển đi nơi khác. Hiện nay, chỉ có vợ chồng anh Vương Duy H, chị Gia L và 2 con là cháu Vương T, sinh năm 2009 và cháu Vương T T, sinh năm 2012 đang ở đây.

Thửa đất số 108 là ngõ đi riêng của gia đình, không cùng ngõ đi với nhà bà Vương Thị N. Do vậy, việc bà N khởi kiện yêu cầu ngõ đi chung là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Vương D H trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của anh H và anh L. Từ khi bố mẹ ông sử dụng cho đến lúc giao lại cho vợ chồng ông thì gia đình ông vẫn sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai. Năm 2001, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 54. Đầu năm 2016, vợ ông qua đời, bản thân ông ốm đau nên đã tặng lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 54 cho con trai là anh H và em trai là anh L.

Trước đây bác ông có chở phân và gio đi qua phía trước ngõ đang tranh chấp nên ông không làm cổng bên ngoài mà lùi cổng vào bên trong. Khi làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cán bộ địa chính có thông báo đất gia đình ông bị biến động 26 m^2 nên ông có xin 04 hộ gia đình liền kề xác nhận gia đình ông không bán đất cho bất kỳ ai. Chỉ đến khi ông sửa cổng, bà N mới xin đóng góp để được sử dụng ngõ đi này. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ngõ đi chung là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê C, anh Lê Anh Tuấn và chị Đỗ Thị Hương trình bày: Đồng ý với lời khai của bà N. Đề nghị Tòa án công nhận ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Gia L, cháu Vương T và cháu Vương T T do anh Vương Duy H đại diện trình bày: Đồng ý với lời khai của anh H, anh L. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày: Nguồn gốc thửa đất qua các thời kỳ thể hiện năm 1960, 1986 là ngõ đi chung, năm 1994 ngõ đi thuộc thửa đất của bà Gia H (mẹ bà N), năm 2001 các hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên đơn kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, trong đơn kê khai có sự sửa chữa diện tích đất đề nghị cấp của nhà bà N từ 243m^2 thành 213m^2 và nhà ông H từ 276m^2 thành 302m^2. Diện tích nhà ông H có sự biến động tăng qua các thời kỳ, trong khi không có sự tặng cho, mua bán. Quá trình sử dụng, bà N có đề nghị được góp tiền tôn tạo ngõ còn việc anh H tôn tạo phần riêng là việc của anh H. Năm 2016, anh H tôn nền ngõ bà N đã có đơn đề nghị gửi

UBND Phường M dừng việc xây dựng lại nhưng anh H vẫn làm. Gia đình anh H khẳng định cánh cổng cũ trước năm 2016 giáp với công trình phụ nhà bà N.

Đề nghị Tòa án xác định ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung, bà N sẽ thanh toán 1/3 chi phí tôn tạo ngõ đi theo Kết luận định giá Tòa án công bố.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 184; khoản 2 Điều 92; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ khoản 1 Điều 2, Điều 73, khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Toà án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành về tài sản.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị N đối với anh Vương Duy H, anh Vương D L.

2. Xác định diện tích đất 24,77m^2 giới hạn bởi các điểm ABCDA thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 22 tại Tổ dân phố L1, phường M, quận B, thành phố Hlà ngõ đi chung cụ thể:

Chiều rộng ngõ phía trong từ điểm A đến điểm B (tính từ mép công trình phụ nhà bà N đến mép đất nhà bà Nguyễn Thị Vân) là 2,57m.

Chiều rộng ngõ phía ngoài từ điểm D đến điểm C (tính từ mép cổng hiện nay nhà bà N đứng từ ngoài nhìn vào phía tay trái đến mép đất nhà ông Vương Duy Hoành) là 2,24m.

Chiều dài ngõ từ điểm D đến điểm A (tính từ mép cổng hiện nay nhà bà N đứng từ cổng nhìn vào phía tay trái đến hết công trình phụ nhà bà N) là 11,3m.

Chiều dài ngõ từ điểm B đến điểm C (tính từ mép cổng cũ nhà anh Hải hất ra ngoài phía giáp nhà bà Nguyễn Thị Vân và nhà ông Vương Duy Hoành) là 10,3m.

(có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Vương Thị N phải thanh toán ½ giá trị công tôn tạo ngõ đi cho anh Vương Duy H, anh Vương D L là **7.477.000đồng** ***(bẩy triệu bốn trăm bẩy mươi bẩy nghìn đồng).***

4. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 22 tại L, xã M, huyện T, thành phố H(nay là phường M, quận B, thành phố H) theo quyết định của bản án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm ngày 10/10/2017 anh Vương Duy H, anh Vương D L là bị đơn đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của anh H, anh L trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đối với phần xác định diện tích ngõ đi chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của anh H, anh L nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ và khoản 2 Điều 296 Hội đồng Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Anh Vương Duy H, anh Vương D L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và xuất trình thêm một số tài liệu chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

1. Về xác định quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2016 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần ngõ đi tính từ mép ngõ ngoài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh L, anh H chạy vào đến mép công trình phụ nhà bà là ngõ đi chung của các gia đình, như vậy phải xác định tranh chấp trong vụ án này là "Tranh đòi quyền sử dụng lối đi chung", Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án "tranh chấp quyền sử dụng đất" là chưa chính xác.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại cấp phúc thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được ở cấp sơ thẩm: Ngõ đi mà các đương sự đang tranh chấp là ngõ số 20/125/27 đường M thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 22, diện tích 38 m^2 tại Tổ dân phố Phúc Lý, phường M, quận B, thành phố H.

Theo các tài liệu gốc bao gồm sổ mục kê, tờ bản đồ lưu giữ tại địa phương và xác minh tại UBND Phường M như sau: Năm 1960 đến 1986 ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung (tài liệu tại địa phương không ghi diện tích ngõ đi chung là bao nhiêu) của cụ Gia H (mẹ bà Vương Thị N) và cụ Vương D D (ông Dĩnh là bác của ông Vương D H). Năm 1994, sổ mục kê ghi ngõ đi này thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 22 đứng tên bà Vương Thị N. Cụ Hai có cổng đi ở đầu ngõ nên không sử dụng phần ngõ đi phía trong nên năm 1998 khi thực hiện việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các hộ dân trên địa bàn xã M thì Tổ công tác của thôn đã xác định ngõ đi phía trong thuộc đất của ông H.

Năm 2001 ông Vương D H và cụ Gia H làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh huyện Từ Liêm, theo hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Nam Từ Liêm thì đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ lập ngày 24/12/1998 có sự chỉnh sửa về diện tích đất đề nghị cấp của cụ Hai từ 243m^2 thành 213m^2 và của ông H từ 276m^2 thành 302m^2. Việc chỉnh sửa này Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại UBND Phường M và cán bộ địa chính thời kỳ đó là "*do Tổ công tác thôn thực hiện, do thời gian đã lâu nên không biết ai là người chỉnh sửa đơn*" điều này cũng phù hợp với thừa nhận của ông H tại phiên tòa sơ thẩm là ông trực tiếp kê khai theo số liệu,cán bộ xã cung cấp là 276m^2, việc chỉnh sửa diện tích như trên do ai thực hiện ông không biết và phù hợp với diện tích đất sử dụng thực tế của gia đình ông H. Đầu năm 2016, ông Vương D H đã tách thửa đất số 54 cho con trai là anh Vương Duy H và em trai là anh Vương D L. Quá trình tách thửa đất, Phòng tài nguyên và môi trường quận Bắc Từ Liêm đã tiến hành đo đạc lại diện tích thì thửa

đất số 54 chỉ còn lại 276m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 302m^2, thiếu 26m^2 nên gia đình đề nghị các hộ liền kề ký xác nhận ranh giới đất theo đúng diện tích đất thực tế sử dụng. Hiện nay, thửa đất số 54 đã được tách ra thành hai thửa đất là thửa đất số 106 (đứng tên anh Vương Duy H) và thửa đất số 107 (đứng tên anh Vương D L) và thửa đất số 108 có diện tích 38m^2 là ngõ đi chung của hai thửa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ435179, CĐ435180 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13.7.2016.

Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được; căn cứ vào thực trạng sử dụng đất (phần đang có tranh chấp vẫn là lối đi không bị thay đổi mục đích sử dụng) và khoản 1 Điều 2, Điều 73, khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 1993 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị N xác định đây là lối đi chung và đề nghị kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không tuyên hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 762008 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm (cũ) cấp ngày 1.8.2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ435179, CĐ435180 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13.7.2016 là không đúng với quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Theo quy định thì không được tuyên kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thửa đất theo bản án, bởi Điều 106 luật đất đai chỉ cho phép đính chính giấy chứng nhận đã cấp trong trường hợp: "Có sai sót thông tin về tên gọi, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân, địa chỉ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận của người đó; Có sai sót thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất so với hồ sơ kê khai đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan đăng ký đất đai kiểm tra xác nhận"; và theo điểm d, khoản 2 Điều 106 thì nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai''. Việc quyết định như bản án sơ thẩm là không thể thi hành án được.

Tòa án phải đưa Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và tuyên hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đã cấp cho gia đình ông Vương D H, anh Vương Duy H, anh Vương D L thì mới giải quyết được yêu cầu của nguyên đơn.

Mặt khác việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm (cũ) cấp cho ông Vương D H và Sở tài nguyên và Môi trường cấp cho anh Vương Duy H, anh Vương D L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Tòa án cấp sơ thẩm quá trình xét xử đã xác định không chính xác tranh chấp, đưa thiếu người tham gia tố tụng và thụ lý, giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, tất cả những vấn đề trên không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm, vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại số đo theo cạnh A-B không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do hủy án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

***** Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thẩm quyền thụ lý, xét xử sơ thẩm lại vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí:

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại và quyết định khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả các anh Vương Duy H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 05519 ngày 10/10/2017, anh Vương D L 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 05520 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Trung Trực